TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29 - 08 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Ông Nguyễn Tấn Để

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang *(có đơn xin vắng mặt).*

- Bị đơn: Anh Lê Hoàng A, sinh năm 1990. Địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang *(có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Hoàng A tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Hoàng A.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Thị Giáng T, sinh ngày 09/01/2011, hiện nay đang sống với chị B. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Bị đơn anh Lê Hoàng A trình bày:*

Về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn, ly thân nhau, con chung, không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai là đúng như trình bày của chị B.

Nay theo yêu cầu của chị B, anh Hoàng A có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng A đồng ý ly hôn với chị B.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Thị Giáng T, sinh ngày 09/01/2011, hiện nay đang sống với chị B. Khi ly hôn, anh Hoàng A đồng ý giao con cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Hoàng A không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Lê Thị Giáng T, sinh ngày 09/01/2011 cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp hòa giải các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng giữa chị B và anh Hoàng A không đăng ký kết hôn nên Tòa án không có căn cứ để ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh Hoàng A mà phải mở phiên tòa theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Ngày 09/08/2024 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A chung sống với nhau vào năm 2010, nhưng đến nay anh chị chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(UBND xã nơi một trong hai người cư trú)*. Như vậy là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 *(có hiệu lực ngày 01/01/2015)* nên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*. Do đó, nay chị B có yêu cầu ly hôn với anh Hoàng A thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quyết định bằng bản án, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A xác định, chị B và anh Hoàng A có 01 con chung tên Lê Thị Giáng T, sinh ngày 09/01/2011 và hiện nay đang sống với chị B, chị B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Thị Giáng T, sinh ngày 09/01/2011. Xét yêu cầu của chị B được sự đồng ý của anh Hoàng A, cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu T tại đơn trình bày nguyện vọng ghi ngày 18/03/2024 của cháu T và nguồn thu nhập hàng tháng của chị B cũng đảm bảo cho việc nuôi con chung nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị B. Giao con chung tên Lê Thị Giáng T, sinh ngày 09/01/2011 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A.

- *Về quan hệ con chung:* Giao con chung tên Lê Thị Giáng T, sinh ngày 09/01/2011 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005197 ngày 19/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị B đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt, chị Nguyễn Thị B và anh Lê Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện AM;
- Tòa án tỉnh KG;
- CCTHADS huyện AM;
- Lưu HS, Văn phòng TA huyện AM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới